

Số: 330/2022/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành, nội thị của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; chính sách hỗ trợ khi di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;  
Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;  
Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;  
Xét Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành, nội thị của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; chính sách hỗ trợ khi di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 919/BC-BPC ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành, nội thị của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi (sau đây viết tắt là khu

vực không được phép chăn nuôi) và chính sách hỗ trợ khi di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (trừ động vật nuôi làm cảnh, động vật nuôi trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường).

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành, nội thị của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

STT	Khu vực không được phép chăn nuôi	
1	Khu vực nội thành của thành phố Hưng Yên	<p>Phường Lê Lợi.</p> <p>Phường Quang Trung.</p> <p>Phường Minh Khai: tổ dân phố Bạch Đằng Giang, Tân Thị, Phan Đình Phùng, Bãi Sậy.</p> <p>Phường An Tảo: tổ dân phố An Dương, Chợ Gạo.</p> <p>Phường Hồng Châu: tổ dân phố Phương Độ, Mậu Dương, phía Đông đường Nam Tiến của tổ dân phố Nam Tiến.</p> <p>Phường Lam Sơn: tuyến phố Trần Quang Khải, Lương Ngọc Quyến, Tô Chấn, Nguyễn Lương Bằng; khu đô thị Tân Phố Hiến, Xuân Phú Hưng thuộc tổ dân phố Kim Đăng.</p> <p>Phường Hiến Nam: tổ dân phố An Đông, Tô Hiệu, An Thịnh, An Vũ, Ấp Dâu, Nhân Dục, phía Đông đê tả sông Hồng của tổ dân phố Chùa Chuông.</p>
2	Khu vực nội thị của thị xã Mỹ Hào	<p>Phường Bàn Yên Nhân, phường Bạch Sam, phường Minh Đức, phường Nhân Hòa, phường Dị Sử, phường Phùng Chí Kiên.</p> <p>Toàn bộ khu vực phía nam sông Bàn - Vũ Xá của phường Phan Đình Phùng.</p>
3	Thị trấn Vương (huyện Tiên Lữ)	Khu Hòa Bình

STT	Khu vực không được phép chăn nuôi	
4	Thị trấn Trần Cao (huyện Phù Cừ)	Toàn bộ địa bàn thị trấn
5	Thị trấn Lương Bằng (huyện Kim Động)	Thôn Bằng Ngang, thôn Đồng Lý, thôn Lương Hội
6	Thị trấn Ân Thi (huyện Ân Thi)	Thôn Bình Trì, thôn Trung, thôn Quanh. Khu phố: Bùi Thị Cúc, Hoàng Văn Thụ, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Huy Thông.
7	Thị trấn Yên Mỹ (huyện Yên Mỹ)	Toàn bộ địa bàn thị trấn
8	Thị trấn Như Quỳnh (huyện Văn Lâm)	Toàn bộ địa bàn thị trấn
9	Thị trấn Khoái Châu (huyện Khoái Châu)	Khu dân cư đường Nguyễn Khoái và đường Sài Thị
10	Thị trấn Văn Giang (huyện Văn Giang)	Khu vực phố Văn Giang. Khu dân cư dọc tuyến đường ĐT.377 từ xã Liên Nghĩa đến ĐT.379B thuộc địa bàn hai thôn Công Luận 1, Công Luận 2. Khu dân cư dọc tuyến đường ĐH.24 từ đầu ĐT.377 đến ĐT.379A thuộc địa phận thôn Đan Nhiễm.

### **Điều 3. Chính sách hỗ trợ**

#### **1. Đối tượng được hưởng hỗ trợ**

Các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi với quy mô chăn nuôi từ 01 (một) đơn vị vật nuôi (tương đương với 500kg khối lượng vật nuôi sống) trở lên đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ khi thực hiện di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### **2. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của chính quyền địa phương.

b) Mỗi cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được hỗ trợ một lần cho từng nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được hỗ trợ một lần và lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

### 3. Điều kiện hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác nằm trong Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b) Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ chi phí tháo dỡ chuồng trại khi di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi.

c) Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ chi phí vận chuyển vật nuôi và lãi suất vay đầu tư cơ sở chăn nuôi mới khi di dời đến địa điểm mới thuộc địa bàn tỉnh Hưng Yên, có quy mô trang trại và đáp ứng các điều kiện chăn nuôi theo quy định của pháp luật, có kê khai hoạt động chăn nuôi được Ủy ban nhân dân cấp xã tại địa điểm mới xác nhận.

d) Chủ cơ sở, người lao động (trong độ tuổi lao động) làm việc trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi được hỗ trợ mất việc làm; nếu có nhu cầu đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 (ba) tháng. Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi như sau:

Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở.

Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: tối đa 02 lao động/cơ sở.

Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: tối đa 03 lao động/cơ sở.

Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: tối đa 10 người/cơ sở.

### 4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ mất việc làm

Hỗ trợ 01 triệu đồng/01 lao động/01 tháng. Thời gian thực hiện trong 03 tháng.

b) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề

Hỗ trợ chi phí đào tạo: 2.000.000 đồng/người/khóa học

Hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học

Hỗ trợ chi phí đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học (trường hợp địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên).

c) Hỗ trợ chi phí tháo dỡ chuồng trại

Hỗ trợ 100.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với cơ sở chăn nuôi có chuồng trại kiên cố theo hình thức chuồng kín hoặc chuồng hở với kết cấu nền chuồng được lát vữa xi măng hoặc đổ bê tông, tường xây lửng hoặc xây kín bằng gạch, mái lợp bằng Fibro-xi măng, tôn hoặc ngói.

Hỗ trợ 50.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với các cơ sở chăn nuôi còn lại.

d) Hỗ trợ chi phí vận chuyển vật nuôi: 400.000 đồng/01 đơn vị vật nuôi.

Hệ số đơn vị vật nuôi và công thức chuyển đổi theo Phụ lục V kèm theo Nghị định 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

đ) Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư cơ sở chăn nuôi mới

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay trong năm thứ ba.

Thời gian hỗ trợ không quá 03 năm. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay thực tế ghi trên hợp đồng tín dụng và không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

Mức vay không quá 2 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư chăn nuôi quy mô trang trại lớn, không quá 1 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư chăn nuôi quy mô trang trại vừa, không quá 200 triệu đồng đối với các dự án đầu tư chăn nuôi quy mô trang trại nhỏ. Thời điểm phát sinh khoản vay trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng nhà nước quyết định trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

#### **Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

1. Các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà thuộc khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Các cơ sở thuộc diện phải di dời mà không thực hiện đúng thời gian quy định và các cơ sở chăn nuôi phát sinh trong khu vực không được phép chăn nuôi kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sẽ không được hỗ trợ di dời và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 5. Kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại quy mô lớn.

2. Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại quy mô vừa, nhỏ và nông hộ.

## Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu tình hình thực tế phát sinh trường hợp đặc biệt cần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, an sinh xã hội thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ Mười một nhất trí thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Toàn**